

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /2022/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai
đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 4473/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị ban hành nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân
bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa
bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 76/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí,
định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa
phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa
bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.
2. Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Chỉ đạo quản lý, điều hành nguồn vốn thực hiện Chương trình theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Theo dõi, giám sát, quản lý danh mục các dự án đầu tư đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ của từng dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, làm cơ sở phân bổ vốn và giám sát, đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện.

c) Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: LĐ-TB&XH, KH&ĐT, TC, NN& PTNT, Y tế, Xây dựng, TT&TT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTVTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Nam;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Phan Việt Cường

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành ở tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình (sau đây viết tắt là các sở, ngành và địa phương).
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và địa phương. Tuỳ theo tính chất, quy mô của từng dự án và năng lực của các sở, ngành, địa phương để phân bổ vốn thực hiện các dự án cho phù hợp.
3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh uỷ; đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.
4. Phù hợp với thực trạng nghèo của tỉnh giai đoạn 2022-2025; phù hợp với nguồn thu và khả năng bố trí vốn ngân sách hằng năm của tỉnh và các địa

phương (cấp huyện, cấp xã); phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước. Các tiêu chí và hệ số phân bổ vốn tương ứng phải đảm bảo tính đại diện cao, xuyên suốt; ưu tiên phân bổ vốn cho địa bàn có số lượng hộ nghèo và hộ cận nghèo nhiều, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao, khuyến khích các địa phương hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình đề chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn và căn cứ tính hệ số

1. Quy mô dân số; số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 tính đến thời điểm lập kế hoạch và dự toán ngân sách thực hiện Chương trình năm tiếp theo.

2. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền tính đến thời điểm lập kế hoạch và dự toán ngân sách thực hiện Chương trình cho năm tiếp theo.

3. Huyện nghèo theo danh sách được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các tiêu chí khác có liên quan và căn cứ xác định tính hệ số, bao gồm:

a) Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 05 tuổi của tỉnh được xác định theo số liệu cung cấp của Sở Y tế tính đến 31 tháng 12 của năm trước liền kề.

b) Kết quả tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp) và địa phương (huyện, thị xã, thành phố) căn cứ vào số liệu do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, quản lý tính đến 31 tháng 12 của năm trước liền kề.

c) Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, quản lý tính đến 31 tháng 12 của năm trước liền kề.

5. Mức hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo so với quyết định giao chỉ tiêu giảm nghèo của Ủy ban nhân dân tỉnh tính đến 31 tháng 12 của năm trước liền kề.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1

**TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH,
XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

Điều 5. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo
 - a) Phân bổ vốn ngân sách của Dự án: Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện nghèo.
 - b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện nghèo: Áp dụng theo Bảng 1

Bảng 1

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện	
Dưới 7.000 hộ	0,15
Từ 7.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,17
Từ 10.000 hộ trở lên	0,2
(2) Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 45%	0,3
Từ 45% đến dưới 50%	0,33
Từ 50% đến dưới 55%	0,37
Từ 55% đến dưới 60%	0,41
Từ 60% đến dưới 65%	0,46
Từ 65% trở lên	0,5
(3) Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	
Huyện có xã biên giới	0,14
Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12
(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Cứ 01 xã, thị trấn	0,01
(5) Tiêu chí 5: Khoảng cách từ trung tâm hành chính tỉnh đến trung tâm hành chính huyện nghèo	
Cứ trong khoảng 10 km được tính	0,005
(6) Tiêu chí 6: Mức hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm	
Cứ hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo của UBND tỉnh giao hằng năm trong khoảng 30 hộ thì được tính thêm	0,005

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn Tiểu dự án 1, Dự án 1 cho huyện nghèo.

(1) Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển phân bổ cho từng huyện nghèo, được tính theo công thức: $A_i = Q.X_i$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng hệ số 06 tiêu chí theo Bảng 1 (Quy mô dân số; tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; đặc điểm địa lý của huyện; số đơn vị hành chính cấp xã của huyện; khoảng cách địa lý từ trung tâm hành chính huyện đến trung tâm hành chính tỉnh; mức hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo hằng năm) của huyện nghèo thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện nghèo, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các huyện nghèo của tỉnh để thực hiện Dự án.

X là tổng điểm hệ số của 06 tiêu chí theo Bảng 1 của tất cả các huyện nghèo.

(2) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

2. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn Tiểu dự án 2, Dự án 1 về Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn: Thực hiện theo nội dung, kinh phí của Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm b, khoản 1 Mục III của Chương trình ban hành kèm theo tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách của Dự án: Tối đa 30% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 3% trở lên và có quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 1.000 hộ trở lên.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 2.

Bảng 2

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Từ 3% đến dưới 8%	0,2
Từ 8% đến dưới 15%	0,4

Nội dung tiêu chí	Hệ số
Từ 15% đến dưới 25%	0,5
Từ 25% trở lên	0,9
(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1.000 hộ	0
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,45
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
Từ 5.000 hộ trở lên	0,9
(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo (0,12 x HS khó khăn: 5)	0,6
(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 07 xã	1
Từ 07 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 15 xã	1,3
Từ 16 xã đến 20 xã	1,5
Từ 21 xã trở lên	2

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố.

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $C_i = Q \cdot X_i$; Trong đó:

C_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số 04 tiêu chí tại Bảng 2 (tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã) của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số của 04 tiêu chí theo Bảng 2 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 7. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách của Tiểu dự án: Tối đa 2% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; tối thiểu 98% cho các huyện, thị xã, thành phố có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 3% trở lên và có quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 1.000 hộ trở lên.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $D_i = Q.X_i$.

Trong đó:

D_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng điểm hệ số của 04 tiêu chí tại Bảng 2 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã) của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số của 04 tiêu chí theo Bảng 2 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách của Tiểu dự án: Tối đa 10% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; tối thiểu 90% cho các huyện, thị xã, thành phố có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 3% trở lên và có quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 1.000 hộ trở lên.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 3

Bảng 3

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo (0,12 x hệ số khó khăn: 5)	0,6
(2) Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 07 xã	1
Từ 07 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 15 xã	1,3
Từ 16 xã đến 20 xã	1,5
Từ 21 xã trở lên	2
(3) Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 05 tuổi của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 20%	1
Từ 20% đến dưới 21%	1,2
Từ 21% đến 22%	1,4
Trên 22%	1,6

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố.

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $E_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng hệ số 03 tiêu chí theo Bảng 3 (Địa bàn khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã; tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi) của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số của 03 tiêu chí theo Bảng 3 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 8. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% nguồn vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) công lập để triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định của Tiểu dự án 1, Dự án 4.

(1) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đầu tư cho các Trường Cao đẳng, trung cấp GDNN công lập thuộc tỉnh: Áp dụng theo Bảng 4.1.

Bảng 4.1

Nội dung	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Tổng tuyển sinh GDNN trên địa bàn tỉnh	
Dưới 500 người/năm	0,2
Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,3
Từ 1.000 người/năm đến dưới 1.500 người/năm	0,4
Từ 1.500 người/năm đến dưới 2.000 người/năm	0,5
Từ 2.000 người/năm trở lên	0,7
(2) Tiêu chí 2: Tỷ lệ tuyển sinh GDNN trên địa bàn các huyện nghèo (tính trên tổng tuyển sinh GDNN của cơ sở GDNN)	
Dưới 20%	0,1
Từ 20% đến dưới 30%	0,2
Từ 30% trở lên	0,3

(2) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các cơ sở GDNN

Vốn ngân sách phân bổ cho từng cơ sở GDNN được tính theo công thức:

$$I_i = Q.X_i$$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách phân bổ cho cơ sở GDNN thứ i.

X_i là tổng số các hệ số 02 tiêu chí, gồm: Tổng tuyển sinh GDNN trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ tuyển sinh GDNN trên địa bàn các huyện nghèo (tính trên tổng tuyển sinh GDNN của cơ sở GDNN).

Q là vốn bình quân và được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển được phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số của 02 tiêu chí theo Bảng 4.1 của các cơ sở GDNN

b) Đối với vốn sự nghiệp

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước của Tiểu dự án cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan chủ trì dự án.

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở Giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là GDNN) công lập thuộc tỉnh.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các Trường Cao đẳng, Trung cấp, Trung tâm GDNN công lập của tỉnh: Áp dụng theo Bảng 4.2

Bảng 4.2

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Loại hình cơ sở GDNN công lập của tỉnh	
Mỗi một Trung tâm GDNN	0,1
Mỗi một trường Trung cấp	0,2
Mỗi một trường Cao đẳng	0,3
(2) Tiêu chí 2: Tổng tuyển sinh GDNN trên địa bàn tỉnh	
Dưới 500 người/năm	0,2
Từ 500 người/năm đến dưới 1.000 người/năm	0,3
Từ 1.000 người/năm đến dưới 1.500 người/năm	0,4
Từ 1.500 người/năm đến dưới 2.000 người/năm	0,5
Từ 2.000 người/năm trở lên	0,7
(3) Tiêu chí 3: Tỷ lệ tuyển sinh GDNN trên địa bàn các huyện nghèo (tính trên tổng tuyển sinh GDNN của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp)	
Dưới 20%	0,1
Từ 20% đến dưới 30%	0,2
Từ 30% trở lên	0,3

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các cơ sở GDNN

Vốn ngân sách phân bổ cho từng cơ sở GDNN được tính theo công thức:
 $I_i = Q \cdot X_i$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách phân bổ cho cơ sở GDNN thứ i.

X_i là tổng số các hệ số 03 tiêu chí tại Bảng 4.2 (Loại hình cơ sở GDNN; tổng tuyển sinh GDNN trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ tuyển sinh GDNN trên địa bàn các huyện nghèo: được tính trên tổng tuyển sinh GDNN của cơ sở GDNN).

Q là vốn bình quân và được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số của 03 tiêu chí theo Bảng 4.2 của tất cả cơ sở GDNN.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách của Tiểu dự án cho các huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn của huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 4.3.

Bảng 4.3

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 3%	0
Từ 3% đến dưới 8%	0,2
Từ 8% đến dưới 15%	0,4
Từ 15% đến dưới 25%	0,5
Từ 25% trở lên	0,9
(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,45
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
Từ 5.000 hộ trở lên	0,9

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo (0,12 x HS khó khăn: 5)	0,6
(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 07 xã	1
Từ 07 xã đến 10 xã	1,15
Từ 11 xã đến 15 xã	1,3
Từ 16 xã đến 20 xã	1,5
Từ 21 xã trở lên	2
(5) Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh GDNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến 400 người/năm	0,6
Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $K_i = Q.X_i$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i .

X_i là tổng số các hệ số 05 tiêu chí tại Bảng 4.3 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố thứ i ; số lượng tuyển sinh GDNN trên địa bàn) của huyện, thị xã, thành phố thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số của 05 tiêu chí theo Bảng 4.3 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Phân bổ vốn ngân sách của Tiểu dự án: Tối đa 18% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; tối thiểu 82% cho các huyện nghèo.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện nghèo: Áp dụng theo Bảng 5.

Bảng 5

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 40%	0,4
Từ 40% đến dưới 50%	0,5
Từ 50% đến dưới 55%	0,6
Từ 55% trở lên	0,7
(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 2.500 hộ	0,4
Từ 2.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 3.500 hộ	0,5
Từ 3.500 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,7
Từ 4.500 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
Từ 5.000 hộ trở lên	0,9
(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Huyện nghèo	0,12

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện nghèo

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q.X_i$$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện nghèo thứ i.

X_i là tổng số các hệ số 03 tiêu chí theo Bảng 5 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn) của huyện nghèo thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện nghèo được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách để phân bổ cho các huyện nghèo thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số 03 tiêu chí theo Bảng 5 của tất cả các huyện nghèo.

3. Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ vốn ngân sách của Tiêu dự án 3 như sau:

Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% nguồn vốn cho các cơ quan, đơn vị của tỉnh để triển khai thực hiện đảm bảo đúng các nội dung quy định của Tiêu dự án 3.

Đối với vốn sự nghiệp: Tối đa 10% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; tối thiểu 90% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 6.

Bảng 6

Nội dung tiêu chí	Hệ số
(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 3%	0
Từ 3% đến dưới 8%	0,2
Từ 8% đến dưới 15%	0,4
Từ 15% đến dưới 25%	0,5
Từ 25% trở lên	0,9
(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 1.000 hộ	0,4
Từ 1.000 hộ đến dưới 1.500 hộ	0,45
Từ 1.500 hộ đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,8
Từ 5.000 hộ trở lên	0,9
(3) Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	
Dưới 11.000 người	1
Từ 11.000 người đến dưới 30.000 người	1,3
Từ 30.000 người đến dưới 60.000 người	1,6
Từ 60.000 người đến dưới 90.000 người	1,9
Từ 90.000 người đến dưới 120.000 người	2,2
Từ 120.000 người trở lên	2,5

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố.

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $M_i = Q.X_i$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng hệ số 03 tiêu chí theo Bảng 6 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên) của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng điểm hệ số 03 tiêu chí tại Bảng 6 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 9. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

1. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc và tiêu chí phân bổ: Vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hàng năm, căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (trừ đối tượng thuộc diện hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, dự án, chính sách khác) theo đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện nghèo và hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

2. Định mức hỗ trợ:

a) Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ;

b) Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã): Đối ứng tối thiểu bằng 15% mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ.

c) Vốn huy động từ nguồn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện theo Quy chế vận động, quản lý và sử dụng Quỹ “Vì người nghèo” của Ban vận động Quỹ “Vì người nghèo” tỉnh; Quy chế vận động, quản lý sử dụng Quỹ Cứu trợ của mỗi cấp (đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn

bị thiệt hại do mưa lũ, hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp do thiên tai) và theo đề nghị của nhà tài trợ.

d) Vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của trung ương (nếu có).

Điều 10. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách của Tiểu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; tối thiểu 70% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 2.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố
Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $N_i = Q.X_i + D_i$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số 04 tiêu chí tại Bảng 2 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã) của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6.

X là tổng điểm hệ số 04 tiêu chí theo Bảng 2 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của huyện, thị xã, thành phố thứ i (theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của trung ương và đề xuất của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của tỉnh).

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ vốn ngân sách của Tiểu dự án: 35% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh; 65% cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 2.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $P_i = Q.X_i$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số của 04 tiêu chí theo Bảng 2 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã) của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách để phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6.

X là tổng điểm hệ số 04 tiêu chí theo Bảng 2 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 11. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ vốn ngân sách của 02 Tiểu dự án, Dự án 7: 30% cho các sở, ngành, đơn vị của tỉnh (trong đó, 60% cho Tiểu dự án Hoạt động nâng cao năng lực, 40% cho Tiểu dự án Hoạt động giám sát, đánh giá Chương trình); 70% cho các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng theo Bảng 2.

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố

Vốn ngân sách phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $R_i = Q.X_i$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số của 04 tiêu chí tại Bảng 2 (Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo; địa bàn khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã) của huyện, thị xã, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn ngân sách phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Dự án 7.

X là tổng điểm hệ số 04 tiêu chí tại Bảng 2 của tất cả các huyện, thị xã, thành phố.

Mục 2

TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) với ngân sách trung ương

1. Ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ trung hạn và hàng năm cho tỉnh Quảng Nam để thực hiện Chương trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong đó:

a) Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Ngân sách tỉnh đảm bảo đối ứng tối thiểu 12%; ngân sách cấp huyện, cấp xã đối ứng tối thiểu 3%.

b) Đối với nguồn vốn sự nghiệp: Ngân sách tỉnh đảm bảo đối ứng tối thiểu 10,5%; ngân sách cấp huyện, cấp xã đối ứng tối thiểu 4,5%.

c) Đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh được phân bổ vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình, ngân sách tỉnh đảm bảo 100% kinh phí đối ứng theo quy định (bằng 15% tổng vốn ngân sách trung ương phân bổ trung hạn và hàng năm cho cơ quan, đơn vị thực hiện).

2. Ngoài ra, cần huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để tăng cường cho các hoạt động của Chương trình, đảm bảo thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

3. Tuỳ điều kiện nguồn thu của ngân sách địa phương (cấp huyện, cấp xã), các địa phương ưu tiên bố trí thêm ngân sách để cùng với ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Nguồn ngân sách thực hiện

1. Ngân sách trung ương;
2. Ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã);
3. Vốn tín dụng Ngân hàng Chính sách xã hội;
4. Vốn huy động và vốn đóng góp của Nhân dân.

Điều 14. Phân bổ vốn thực hiện

1. Căn cứ thông báo vốn trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021 - 2025 của trung ương và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ vốn, bố trí vốn đối ứng ngân sách tỉnh theo Quy định này để thực hiện Chương trình, đảm bảo đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững hằng năm và giai đoạn 2021 - 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ vốn ngân sách cho sở, ngành, đơn vị của tỉnh đảm bảo hoàn thành mục tiêu của từng dự án, phù hợp với tiêu chí giảm nghèo của từng địa phương, vừa làm cơ sở đánh giá vai trò, trách nhiệm và khả năng đóng góp của các đơn vị tham gia giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm trên địa bàn tỉnh./.